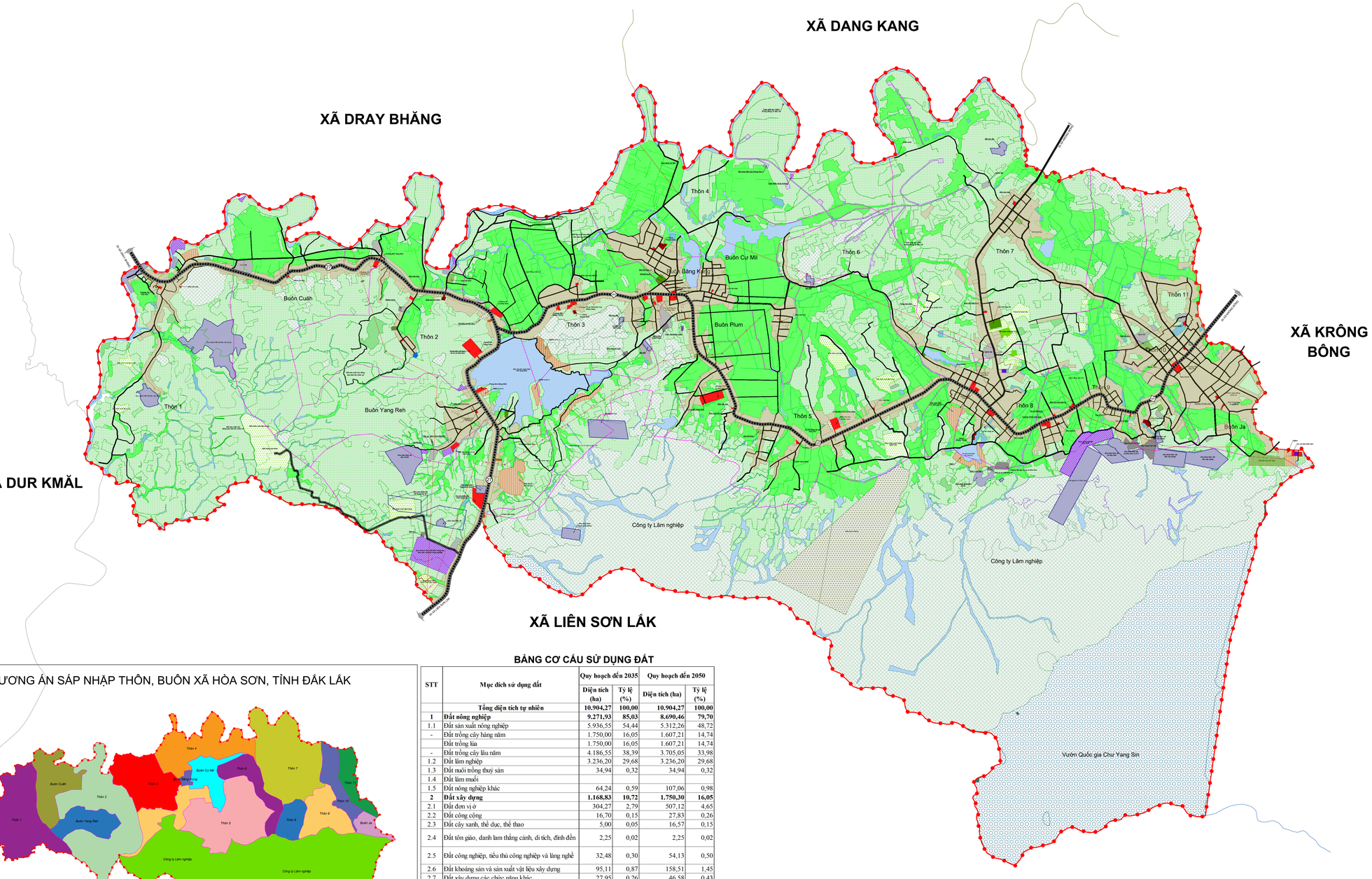
XÃ HÒA SƠN - TỈNH ĐẮK LẮK

QUY HOẠCH CHUNG XÃ HÒA SƠN - TỈNH ĐẮK LẮK

BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH THEO GIAI ĐOẠN



B

STT		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH ĐẾN 2030	QUY HOẠCH ĐẾN 2045	TÊN LOẠI ĐẤT
ĐẤT NÔNG NGHIỆP	1				ĐẤT TRỒNG LÚA
	2				ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC
	3				ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
	4				ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
	5				ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
	6				ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
	7				ĐẤT LÀM MUỐI
	8				ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
ĐẤT XÂY DỰNG	2				ĐẤT Ở
	3				ĐẤT CÔNG CỘNG
	4				ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO
	5				ĐẤT TÔN GIÁO,DANH LAM DI TÍCH ĐÌNH ĐỀN
	6				ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ
	7				ĐẤT KHOÁNG SẢN VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG
	8				ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC
	9				ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
	10				ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
	11				ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
	12				ĐẤT HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT
	13				ĐẤT QUỐC PHÒNG AN NINH
ĐẤT KHÁC	14				SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH, MẶT NƯỚC CHUYÊN DÙNG
	15				ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG

KÝ HIỆU:

- Ranh nghiên cứu quy hoạch
- Cầu
- Kênh, rạch, sông ngòi

PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP THÔN, BUÔN XÃ HÒA SƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Mục đích sử dụng đất	Quy hoạch đến 2035		Quy hoạch đến 2050	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	**10.904,27**	**100,00**	**10.904,27**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**9.271,93**	**85,03**	**8.690,46**	**79,70**
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	5.936,55	54,44	5.312,26	48,72
-	Đất trồng cây hàng năm	1.750,00	16,05	1.607,21	14,74
	Đất trồng lúa	1.750,00	16,05	1.607,21	14,74
-	Đất trồng cây lâu năm	4.186,55	38,39	3.705,05	33,98
1.2	Đất lâm nghiệp	3.236,20	29,68	3.236,20	29,68
1.3	Đất nuôi trồng thuỷ sản	34,94	0,32	34,94	0,32
1.4	Đất làm muối				
1.5	Đất nông nghiệp khác	64,24	0,59	107,06	0,98
2	**Đất xây dựng**	**1.168,83**	**10,72**	**1.750,30**	**16,05**
2.1	Đất đơn vị ở	304,27	2,79	507,12	4,65
2.2	Đất công cộng	16,70	0,15	27,83	0,26
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	5,00	0,05	16,57	0,15
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	2,25	0,02	2,25	0,02
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	32,48	0,30	54,13	0,50
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	95,11	0,87	158,51	1,45
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	27,95	0,26	46,58	0,43
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	685,08	6,28	769,07	7,05
2.8.1	Đất giao thông	481,74	4,42	712,14	6,53
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	4,63	0,04	7,72	0,07
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	32,07	0,29	32,75	0,30
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,70	0,01	16,46	0,15
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,34	0,00	0,34	0,00
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	165,60	1,52	167,90	1,54
3	**Đất khác**	**463,51**	4,25	**463,51**	4,25
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	463,51	4,25	463,51	4,25
3.2	Đất chưa sử dụng				

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ EA SƠN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ QUY HOẠCH, QUY HOẠCH CHUNG XÃ HÒA SƠN

KÈM THEO BÁO CÁO SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
PHÒNG KINH TẾ

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÃ HÒA SƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH THEO GIAI ĐOẠN

BẢN VẼ: QH-04	GHÉP: 1-A0	TỶ LỆ:	NGÀY: ...-...-2026
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN LÊ QUỐC DŨNG		
CHỦ TRÌ	KTS. DƯƠNG ĐÌNH KHÁNH		
CHỦ NHIỆM	KTS. DƯƠNG ĐÌNH KHÁNH		
Q.L.KỸ THUẬT	THS. KTS. HUỲNH NGUYỄN TÚ NHI		

GIÁM ĐỐC

LÊ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
ĐỊA CHỈ : 107/34 ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG HIỆP BÌNH, TP.HCM
TEL: 0918.536.177 Email: vinhthinh0208@gmail.com